

Số: 14/2025/QĐ-TCQTMK

Cần Thơ, ngày 06 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp
kỳ xét tốt nghiệp tháng 02 năm 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ MEKONG

Căn cứ Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc cho phép đổi tên Trường Trung cấp Mekong thành Trường Trung cấp Quốc tế Mekong;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường trung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 181/2023/QĐ-TCQTMK ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp các ngành trình độ trung cấp;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận các học sinh cụ thể:

- Lớp Dược (TCDS23E1): 13 học sinh tốt nghiệp (danh sách kèm theo). Trong đó: 02 học sinh xếp loại giỏi, 09 học sinh xếp loại khá, 02 học sinh xếp loại trung bình.

- Lớp Y sỹ đa khoa (TCYS23E1): 39 học sinh tốt nghiệp (danh sách kèm theo). Trong đó: 05 học sinh xếp loại giỏi, 16 học sinh xếp loại khá, 18 học sinh xếp loại trung bình.

- Lớp Y sỹ đa khoa (TCYS23B1): 29 học sinh tốt nghiệp (danh sách kèm theo). Trong đó: 03 học sinh xếp loại giỏi, 15 học sinh xếp loại khá, 11 học sinh xếp loại trung bình.

- Lớp Y học cổ truyền (TCCT23E1): 26 học sinh tốt nghiệp (danh sách kèm theo). Trong đó: 14 học sinh xếp loại khá, 12 học sinh xếp loại trung bình.

- Lớp Y học cổ truyền (TCCT23E2): 45 học sinh tốt nghiệp (danh sách kèm theo). Trong đó: 15 học sinh xếp loại khá, 30 học sinh xếp loại trung bình.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.



Điều 3: Hội đồng Xét tốt nghiệp, các phòng, khoa có liên quan và học sinh tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGH (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT..



HIỆU TRƯỞNG

ĐSCKII. Nguyễn Văn Ảnh



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

Xét công nhận tốt nghiệp ngành Dược ngày 06 tháng 02 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 14/2025/QĐ-TCQTMK ngày 06 tháng 02 năm 2025 công nhận tốt nghiệp)

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	TCDS23E102	Huỳnh Thị Kim Vân	Nữ	31/03/2004	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.74	Khá	TCDS23E1	
2	TCDS23E103	Phạm Công Toàn	Nam	24/05/1986	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.63	Khá	TCDS23E1	
3	TCDS23E104	Nguyễn Phúc Hưng	Nam	30/08/2001	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.31	Trung bình	TCDS23E1	
4	TCDS23E105	Lê Trang Kim Bằng	Nữ	20/07/1984	Đồng Tháp	Kinh	VN	3.10	Giỏi	TCDS23E1	
	TCDS23E107	Lê Thanh Biết	Nam	04/01/1993	Hậu Giang	Kinh	VN	2.58	Khá	TCDS23E1	
6	TCDS23E109	Lê Thị Mỹ Huệ	Nữ	03/03/1983	Cần Thơ	Kinh	VN	3.14	Giỏi	TCDS23E1	
7	TCDS23E110	Trần Ngọc Thảo Uyên	Nữ	12/12/2003	Cần Thơ	Kinh	VN	2.61	Khá	TCDS23E1	
8	TCDS23E111	Nguyễn Thị Thuý An	Nữ	26/12/1988	Cần Thơ	Kinh	VN	2.65	Khá	TCDS23E1	
9	TCDS23E112	Nguyễn Phú Đông	Nam	01/01/1996	Cần Thơ	Kinh	VN	2.81	Khá	TCDS23E1	
10	TCDS23E114	Lưu Quốc Thái	Nam	10/02/1993	Kiên Giang	Kinh	VN	2.75	Khá	TCDS23E1	
11	TCDS23E115	Dương Xuân Vẹn	Nữ	15/03/1988	Kiên Giang	Kinh	VN	2.68	Khá	TCDS23E1	
12	TCDS23E116	Đoàn Ngọc Giáng My	Nữ	09/03/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	VN	2.24	Trung bình	TCDS23E1	
13	TCDS23E118	Đỗ Trường Giang	Nam	08/03/1995	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.78	Khá	TCDS23E1	



DSCKII. Nguyễn Văn Ảnh

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

Xét công nhận tốt nghiệp ngành Y sỹ đa khoa ngày 06 tháng 02 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 14/2025/QĐ-TCQTMK ngày 06 tháng 02 năm 2025 công nhận tốt nghiệp)

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	TCYS23E101	Đặng Hoàng Phát Hưng	Nam	19/11/2003	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.15	Trung bình	TCYS23E1	
2	TCYS23E102	Trần Kim Phụng	Nữ	14/02/2004	An Giang	Kinh	VN	2.36	Trung bình	TCYS23E1	
3	TCYS23E103	Trang Thanh Sang	Nam	28/03/2004	Cần Thơ	Kinh	VN	2.05	Trung bình	TCYS23E1	
4	TCYS23E104	Nguyễn Thiên Ân	Nam	25/12/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	VN	2.20	Trung bình	TCYS23E1	
	TCYS23E107	Phạm Thanh Vân	Nam	30/05/1994	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.61	Khá	TCYS23E1	
6	TCYS23E108	Nguyễn Kỳ Duyên	Nữ	12/02/2008	Cần Thơ	Kinh	VN	2.31	Trung bình	TCYS23E1	
7	TCYS23E109	Đỗ Huy Cương	Nam	19/03/2004	Phú Thọ	Kinh	VN	2.25	Trung bình	TCYS23E1	
8	TCYS23E112	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Nữ	15/02/2005	Phú Yên	Kinh	VN	2.17	Trung bình	TCYS23E1	
9	TCYS23E113	Ung Văn Vũ Thái	Nam	11/10/1996	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.41	Trung bình	TCYS23E1	
10	TCYS23E114	Phan Khả Quý	Nam	16/11/2005	Cần Thơ	Kinh	VN	2.36	Trung bình	TCYS23E1	
11	TCYS23E115	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Nữ	25/01/1982	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.64	Khá	TCYS23E1	
12	TCYS23E116	Nguyễn Công Đạt	Nam	16/08/2005	Phú Thọ	Kinh	VN	2.54	Khá	TCYS23E1	
13	TCYS23E117	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	20/09/2005	Phú Thọ	Kinh	VN	2.71	Khá	TCYS23E1	
14	TCYS23E118	Nguyễn Quang Anh	Nam	16/02/2005	Phú Thọ	Kinh	VN	2.44	Trung bình	TCYS23E1	
15	TCYS23E121	Võ Thiện Tín	Nam	07/04/2005	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCYS23E1	
16	TCYS23E122	Đỗ Trường Nam	Nam	24/10/1983	Hậu Giang	Kinh	VN	2.58	Khá	TCYS23E1	
17	TCYS23E123	Nguyễn Văn Phi	Nam	18/01/2000	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.61	Khá	TCYS23E1	
18	TCYS23E125	Nguyễn Hữu Nghị	Nam	22/12/1986	Kiên Giang	Kinh	VN	2.51	Khá	TCYS23E1	
19	TCYS23E126	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	21/01/1988	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.92	Khá	TCYS23E1	
20	TCYS23E128	Lý Thị Diễm Xuân	Nữ	11/05/2003	Vĩnh Long	Kinh	VN	2.56	Khá	TCYS23E1	
21	TCYS23E129	Lưu Bảo Ngọc	Nữ	10/10/1994	Sóc Trăng	Hoa	VN	2.69	Khá	TCYS23E1	
22	TCYS23E130	Danh Thanh Sự	Nam	30/07/1994	Kiên Giang	Khmer	VN	3.03	Giỏi	TCYS23E1	
23	TCYS23E132	Nguyễn Thị Diễm Kiều	Nữ	25/12/1993	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.78	Khá	TCYS23E1	
24	TCYS23E133	Nguyễn Phước Thịnh	Nam	05/08/2001	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.47	Trung bình	TCYS23E1	



STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
25	TCYS23E134	Huỳnh Thanh Thảo	Nữ	23/12/2001	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.92	Khá	TCYS23E1	
26	TCYS23E135	Liêu Lâm Ngọc	Nữ	03/02/2004	Hậu Giang	Hoa	VN	2.29	Trung bình	TCYS23E1	
27	TCYS23E138	Trần Quốc Hùng	Nam	20/06/1988	Phủ Thợ	Kinh	VN	2.44	Trung bình	TCYS23E1	
28	TCYS23E139	Nguyễn Ngọc Son	Nam	10/06/1981	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.56	Khá	TCYS23E1	
29	TCYS23E140	Đoàn Minh Nhí	Nam	10/08/1997	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.41	Trung bình	TCYS23E1	
30	TCYS23E142	Lưu Hùng Quân	Nam	24/07/1986	Cần Thơ	Kinh	VN	2.73	Khá	TCYS23E1	
31	TCYS23E143	Lê Tuấn Hào	Nam	27/06/2005	Bình Định	Kinh	VN	2.41	Trung bình	TCYS23E1	
32	TCYS23E144	Bùi Kim Thoa	Nữ	25/07/1970	Hậu Giang	Kinh	VN	3.02	Giỏi	TCYS23E1	
33	TCYS23E145	Lê Phi Hùng	Nam	03/11/1993	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.53	Khá	TCYS23E1	
	TCYS23E146	Đặng Thị Thanh	Nữ	27/10/1991	Bình Định	Kinh	VN	2.81	Khá	TCYS23E1	
35	TCYS23E147	Lê Thuý Lan Anh	Nữ	06/02/2002	Cần Thơ	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCYS23E1	
36	TCYS23E148	Đoàn Vũ Luân	Nam	28/08/1996	Tiền Giang	Kinh	VN	2.44	Trung bình	TCYS23E1	
37	TCYS23E149	Cao Trường Gia Bảo	Nam	06/11/2002	Đồng Tháp	Kinh	VN	3.17	Giỏi	TCYS23E1	
38	TCYS23E150	Nguyễn Thị Thanh Thuý	Nữ	23/06/1978	Đồng Tháp	Kinh	VN	3.05	Giỏi	TCYS23E1	
39	TCYS23E151	Nguyễn Đức Duy	Nam	17/11/2001	Cần Thơ	Kinh	VN	3.02	Giỏi	TCYS23F1	

HIỆU TRƯỞNG



ĐSCKII. Nguyễn Văn Ảnh

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

Xét công nhận tốt nghiệp ngành Y sỹ đa khoa ngày 06 tháng 02 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 14/2025/QĐ-FCQTMK ngày 06 tháng 02 năm 2025 công nhận tốt nghiệp)

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	TCYS23B101	Huỳnh Thị Diễm Chi	Nữ	02/11/2001	Tiền Giang	Kinh	VN	2.63	Khá	TCYS23B1	
2	TCYS23B102	Trần Hữu Cường	Nam	25/02/1997	Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh	VN	2.56	Khá	TCYS23B1	
3	TCYS23B104	Nguyễn Văn Sơn	Nam	07/02/1988	Bắc Giang	Kinh	VN	2.58	Khá	TCYS23B1	
4	TCYS23B105	Vũ Thị Hà	Nữ	02/10/1989	Bắc Giang	Kinh	VN	2.64	Khá	TCYS23B1	
	TCYS23B106	Trần Đức Khấn	Nam	23/06/1987	Bắc Giang	Kinh	VN	2.69	Khá	TCYS23B1	
6	TCYS23B107	Hà Chí Hiên	Nam	13/02/1988	Bắc Giang	Kinh	VN	2.53	Khá	TCYS23B1	
7	TCYS23B109	Nguyễn Thị Yên	Nữ	28/10/1988	Nghệ An	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCYS23B1	
8	TCYS23B110	Đặng Kim Dinh	Nam	08/04/1996	Nghệ An	Kinh	VN	2.32	Trung bình	TCYS23B1	
9	TCYS23B111	Trần Song Huynh	Nam	09/06/1994	Quảng Nam	Kinh	VN	2.07	Trung bình	TCYS23B1	
10	TCYS23B113	Quách Thuý Băng	Nữ	02/07/1997	Cà Mau	Kinh	VN	2.64	Khá	TCYS23B1	
11	TCYS23B114	Quách Thuý An	Nữ	21/04/2006	Cà Mau	Kinh	VN	2.54	Khá	TCYS23B1	
12	TCYS23B115	Trần Văn Thắng	Nam	11/10/1989	Bắc Giang	Kinh	VN	2.66	Khá	TCYS23B1	
13	TCYS23B116	Nguyễn Công Chính	Nam	29/12/2000	Đồng Nai	Kinh	VN	2.34	Trung bình	TCYS23B1	
14	TCYS23B117	Đoàn Xuân Vượng	Nam	16/09/1991	Nam Định	Kinh	VN	2.39	Trung bình	TCYS23B1	
15	TCYS23B118	Nguyễn Văn Tây	Nam	15/02/1991	Đắk Lắk	Kinh	VN	2.58	Khá	TCYS23B1	
16	TCYS23B120	Nguyễn Mạnh Khương	Nữ	20/11/1997	Phú Yên	Kinh	VN	2.58	Khá	TCYS23B1	
17	TCYS23B121	Nguyễn Đức Quân	Nam	24/10/1996	Hà Nội	Kinh	VN	2.34	Trung bình	TCYS23B1	
18	TCYS23B122	Nguyễn Ngọc Vương	Nam	23/10/1993	Đắk Lắk	Kinh	VN	2.53	Khá	TCYS23B1	
19	TCYS23B123	Nguyễn Đình Anh	Nam	12/04/2004	Nghệ An	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCYS23B1	
20	TCYS23B126	Đỗ Như Ngọc	Nữ	23/11/1995	Thừa Thiên – Huế	Kinh	VN	2.54	Khá	TCYS23B1	
21	TCYS23B127	Ngô Thanh Đoàn	Nam	07/12/1995	Thái Bình	Kinh	VN	2.24	Trung bình	TCYS23B1	
22	TCYS23B128	Nguyễn Minh Ánh	Nữ	21/10/2004	Bắc Giang	Kinh	VN	2.71	Khá	TCYS23B1	
23	TCYS23B129	Nguyễn Thị Hào	Nữ	15/02/2002	Thanh Hóa	Kinh	VN	3.07	Giỏi	TCYS23B1	
24	TCYS23B130	Bùi Văn Huy	Nam	14/03/2008	Hà Tĩnh	Kinh	VN	2.00	Trung bình	TCYS23B1	
25	TCYS23B131	Lưu Văn Hòa	Nam	20/11/2000	Thanh Hóa	Kinh	VN	2.51	Khá	TCYS23B1	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
26	TCYS23B132	Nguyễn Ngọc Tâm	Nam	16/06/1986	Kiên Giang	Kinh	VN	3.00	Giỏi	TCYS23B1	
27	TCYS23B133	Thạch Dương Hoài Phát	Nam	30/06/2004	Kiên Giang	Khmer	VN	3.03	Giỏi	TCYS23B1	
28	TCYS23B135	Chung Phạm Hồng Hạnh	Nữ	26/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	VN	2.44	Trung bình	TCYS23B1	
29	TCYS23B136	Trần Hữu Sơn	Nam	02/02/1996	Nam Định	Kinh	VN	2.24	Trung bình	TCYS23B1	

HIỆU TRƯỞNG



ĐSCKII. Nguyễn Văn Ảnh



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

Xét công nhận tốt nghiệp ngành Y học cổ truyền ngày 06 tháng 02 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 14/2025/QĐ-TCQTMK ngày 06 tháng 02 năm 2025 công nhận tốt nghiệp)

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	TCCT23E104	Trần Thị Kim Chi	Nữ	25/07/1994	Vĩnh Long	Kinh	VN	2.56	Khá	TCCT23E1	
2	TCCT23E105	Nguyễn Thị Thùy Duy	Nữ	03/02/1998	Hậu Giang	Kinh	VN	2.61	Khá	TCCT23E1	
3	TCCT23E106	Huỳnh Trung Nhân	Nam	14/06/1995	An Giang	Kinh	VN	2.70	Khá	TCCT23E1	
4	TCCT23E107	Lê Trần Quốc Thiện	Nam	09/02/1999	Cần Thơ	Kinh	VN	2.40	Trung bình	TCCT23E1	
	TCCT23E108	Lê Trần Minh Triết	Nam	23/11/2002	Cần Thơ	Kinh	VN	2.30	Trung bình	TCCT23E1	
6	TCCT23E111	Đỗ Thị Cẩm Loan	Nữ	06/06/1996	Hậu Giang	Kinh	VN	2.46	Trung bình	TCCT23E1	
7	TCCT23E112	Nguyễn Thị Huyền Trân	Nữ	11/02/1996	Cần Thơ	Kinh	VN	2.72	Khá	TCCT23E1	
8	TCCT23E114	Ca Ngọc Tú Quyên	Nữ	05/04/2007	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.39	Trung bình	TCCT23E1	
9	TCCT23E115	Tổng Hoàng Lợi	Nam	16/11/2004	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.35	Trung bình	TCCT23E1	
10	TCCT23E116	Lưu Ngọc Xuân Vy	Nữ	16/10/2003	Cần Thơ	Kinh	VN	2.63	Khá	TCCT23E1	
11	TCCT23E118	Nguyễn Bé Lệ	Nam	06/12/1990	Kiên Giang	Kinh	VN	2.25	Trung bình	TCCT23E1	
12	TCCT23E119	Bùi Trần Đình Quân	Nam	20/11/1996	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.61	Khá	TCCT23E1	
13	TCCT23E121	Huỳnh Thị Mai	Nữ	01/05/1975	Vĩnh Long	Kinh	VN	2.21	Trung bình	TCCT23E1	
14	TCCT23E123	Phạm Thị Cẩm Thiên	Nữ	28/02/2005	Kiên Giang	Khmer	VN	2.49	Trung bình	TCCT23E1	
15	TCCT23E126	Lê Văn Hiếu	Nam	15/10/1967	Hậu Giang	Kinh	VN	2.11	Trung bình	TCCT23E1	
16	TCCT23E127	Trần Thị Cẩm Trinh	Nữ	01/01/1984	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.11	Trung bình	TCCT23E1	
17	TCCT23E128	Khuru Yến Nhi	Nữ	16/04/1993	Kiên Giang	Hoa	VN	2.56	Khá	TCCT23E1	
18	TCCT23E129	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	10/12/1988	Đồng Tháp	Kinh	VN	2.63	Khá	TCCT23E1	
19	TCCT23E130	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	10/05/1994	Thái Lan	Kinh	VN	2.89	Khá	TCCT23E1	
20	TCCT23E131	Trần Văn Đạt	Nam	23/06/1979	Cần Thơ	Kinh	VN	2.37	Trung bình	TCCT23E1	
21	TCCT23E133	Danh Hương	Nam	22/10/1989	Kiên Giang	Khmer	VN	2.35	Trung bình	TCCT23E1	
22	TCCT23E134	Nguyễn Tấn Phước	Nam	24/01/1997	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.54	Khá	TCCT23E1	
23	TCCT23E135	Quảng Thanh Cần	Nam	24/11/1973	Kiên Giang	Kinh	VN	2.72	Khá	TCCT23E1	
24	TCCT23E136	Phạm Thị Diệu Hạnh	Nữ	05/05/1967	An Giang	Kinh	VN	2.93	Khá	TCCT23E1	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
25	TCCT23E137	Trần Thị Thanh Trà	Nữ	18/02/1991	Cần Thơ	Kinh	VN	2.65	Khá	TCCT23E1	
26	TCCT23E138	Trần Ngọc Lành	Nữ	01/01/1989	Hậu Giang	Kinh	VN	2.70	Khá	TCCT23E1	



HIỆU TRƯỞNG

ĐSCKII. Nguyễn Văn Ảnh



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

Xét công nhận tốt nghiệp ngành Y học cổ truyền ngày 06 tháng 02 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 14/2025/QĐ-TCQTMK ngày 06 tháng 02 năm 2025 công nhận tốt nghiệp)

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	TCCT23E201	Trần Thị Vân Anh	Nữ	06/10/1984	Cà Mau	Kinh	VN	2.95	Khá	TCCT23E2	
2	TCCT23E202	Phùng Nguyễn Bông Đình	Nam	26/06/1978	Long An	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCCT23E2	
3	TCCT23E203	Đặng Văn Đô	Nam	21/04/1992	Hậu Giang	Kinh	VN	2.81	Khá	TCCT23E2	
4	TCCT23E204	Lý Kim Duyên	Nữ	01/01/1961	Bạc Liêu	Kinh	VN	2.25	Trung bình	TCCT23E2	
	TCCT23E206	Phạm Tấn Hoàng	Nam	01/07/1984	Bạc Liêu	Kinh	VN	2.54	Khá	TCCT23E2	
6	TCCT23E207	Trịnh Vũ Hoàng Kha	Nam	09/09/1992	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.82	Khá	TCCT23E2	
7	TCCT23E208	Nguyễn Hùng Kiệt	Nam	02/09/1975	Bến Tre	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCCT23E2	
8	TCCT23E209	Nguyễn Kim Loan	Nữ	06/09/1971	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.81	Khá	TCCT23E2	
9	TCCT23E210	La Đăng Lộc	Nam	12/09/1971	Bình Trị Thiên	Kinh	VN	2.25	Trung bình	TCCT23E2	
10	TCCT23E211	Nguyễn Văn Lộc	Nam	01/01/1972	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.25	Trung bình	TCCT23E2	
11	TCCT23E212	Trần Thị Trúc Ly	Nữ	01/02/1985	Bạc Liêu	Kinh	VN	2.33	Trung bình	TCCT23E2	
12	TCCT23E213	Dương Hoài Nhã	Nam	01/01/1986	Hậu Giang	Kinh	VN	2.30	Trung bình	TCCT23E2	
13	TCCT23E214	Nguyễn Su Ni	Nam	10/04/1983	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.72	Khá	TCCT23E2	
14	TCCT23E215	Vương Thoại Ninh	Nam	10/09/2000	Sóc Trăng	Hoa	VN	2.53	Khá	TCCT23E2	
15	TCCT23E216	Lê Đình Phong	Nam	13/08/1980	Cần Thơ	Kinh	VN	2.35	Trung bình	TCCT23E2	
16	TCCT23E217	Nguyễn Mỹ Phụng	Nữ	15/08/1972	Sóc Trăng	Hoa	VN	2.58	Khá	TCCT23E2	
17	TCCT23E218	Nguyễn Thị Trúc Quyền	Nữ	21/07/1979	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.53	Khá	TCCT23E2	
18	TCCT23E219	Trần Thanh Tâm	Nữ	15/02/1984	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.40	Trung bình	TCCT23E2	
19	TCCT23E220	Trịnh Thị Thư	Nữ	08/01/1984	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.39	Trung bình	TCCT23E2	
20	TCCT23E222	Võ Phi Thuyền	Nữ	08/10/1992	Bạc Liêu	Kinh	VN	2.46	Trung bình	TCCT23E2	
21	TCCT23E223	Trần Thị Tiềm	Nữ	24/03/1963	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	VN	2.82	Khá	TCCT23E2	
22	TCCT23E225	Phạm Quốc Toàn	Nam	13/05/2004	Cà Mau	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCCT23E2	
23	TCCT23E226	Nguyễn Văn Tòng	Nam	01/01/1969	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.30	Trung bình	TCCT23E2	
24	TCCT23E227	Phan Thị Tú Trinh	Nữ	21/06/1985	Cần Thơ	Kinh	VN	2.49	Trung bình	TCCT23E2	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	ĐTBCTích lũy	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
25	TCCT23E228	Nguyễn Thị Hòa Trung	Nữ	19/03/1984	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.30	Trung bình	TCCT23E2	
26	TCCT23E229	Trương Thị Tú	Nữ	02/06/1978	An Giang	Kinh	VN	2.35	Trung bình	TCCT23E2	
27	TCCT23E230	Ngô Kim Tư	Nữ	12/02/1989	Bạc Liêu	Kinh	VN	2.40	Trung bình	TCCT23E2	
28	TCCT23E231	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	19/02/1971	Cần Thơ	Kinh	VN	2.49	Trung bình	TCCT23E2	
29	TCCT23E232	Trần Thị Cẩm Vân	Nữ	30/10/1977	Cần Thơ	Kinh	VN	2.46	Trung bình	TCCT23E2	
30	TCCT23E233	Nguyễn Thanh Vũ	Nam	20/07/1973	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.32	Trung bình	TCCT23E2	
31	TCCT23E234	Nguyễn Phong Vữ	Nam	02/11/2001	Sóc Trăng	Hoa	VN	2.30	Trung bình	TCCT23E2	
32	TCCT23E235	Lê Thị Thảo Vy	Nữ	20/12/2004	Hậu Giang	Kinh	VN	2.65	Khá	TCCT23E2	
33	TCCT23E236	Phạm Như Ý	Nữ	13/01/2005	Cà Mau	Kinh	VN	2.86	Khá	TCCT23E2	
34	TCCT23E237	Nguyễn Thanh Ý	Nam	15/07/1985	Cà Mau	Kinh	VN	2.11	Trung bình	TCCT23E2	
35	TCCT23E238	Nguyễn Phi Yến	Nữ	03/10/2004	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.32	Trung bình	TCCT23E2	
36	TCCT23E239	Phạm Văn Phúc	Nam	30/10/1981	Vĩnh Long	Kinh	VN	2.25	Trung bình	TCCT23E2	
37	TCCT23E240	Đoàn Thị Kim	Nữ	04/04/1976	Vĩnh Long	Kinh	VN	2.21	Trung bình	TCCT23E2	
38	TCCT23E241	Trần Thị Kim Thoa	Nữ	01/01/1972	Vĩnh Long	Kinh	VN	2.32	Trung bình	TCCT23E2	
39	TCCT23E242	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	01/01/1962	Vĩnh Long	Kinh	VN	2.30	Trung bình	TCCT23E2	
40	TCCT23E243	Huỳnh Thanh Triều	Nam	01/01/1987	Hậu Giang	Kinh	VN	2.51	Khá	TCCT23E2	
41	TCCT23E245	Phạm Tấn Tài	Nam	09/02/1987	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.30	Trung bình	TCCT23E2	
42	TCCT23E246	Nguyễn Thị Hết	Nữ	21/10/1963	Cần Thơ	Kinh	VN	2.89	Khá	TCCT23E2	
43	TCCT23E248	Mã Văn Liêm	Nam	01/01/1954	Bạc Liêu	Kinh	VN	2.42	Trung bình	TCCT23E2	
44	TCCT23E249	Trần Thị Cẩm Lón	Nữ	06/02/1989	Sóc Trăng	Kinh	VN	2.33	Trung bình	TCCT23E2	
45	TCCT23E250	Lâm Hoàng Châu	Nam	03/02/1981	Hồ Chí Minh	Kinh	VN	2.88	Khá	TCCT23E2	



DSCKII. Nguyễn Văn Ảnh